

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST.

Ngày 19/7/2019.

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT - TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Phạm Thị Đỏ.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Chí Công - Thẩm tra viên TAND huyện Cư Jút.

Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST-DS ngày 22/02/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-DS ngày 05/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2019/QĐST-DS ngày 27/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A và bà Ph - có mặt.

Cùng trú tại: TDP2, TT E, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Q, bà N và anh P.

Cùng trú tại: TDP2, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ - Ông Q có mặt; bà N, anh P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14/02/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản đối chất và tại phiên tòa, nguyên đơn ông A và bà Ph trình bày: Do có mối quan hệ hàng xóm quen biết nên trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2018 vợ chồng ông A, bà Ph cho vợ chồng ông Q, bà N và con trai là anh P vay tiền làm 04 đợt với tổng số tiền là 250.000.000 đồng **cụ thể như sau: đợt 01 vào ngày 15/11/2017 cho vay số tiền 30.000.000 đ; đợt 02 vào ngày 17/4/2018 cho vay số tiền 150.000.000 đ; đợt 03 vào ngày 29/7/2018 cho vay số tiền 20.000.000 đ và đến ngày 25/8/2018 cho vay thêm số tiền 50.000.000 đ.** Khi vay các bên thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng. Đến ngày 11/10/2018 do ông Q, bà N, anh P không trả đủ số tiền lãi cho ông A, bà Ph nên hai bên chốt lại số tiền còn nợ là 280.000.000 đồng và hẹn 20 ngày sau thanh toán. Đến hạn, ông Q, bà N, anh Ph vẫn không thực hiện mặc dù ông A, bà Ph đòi nợ nhiều lần. Do đó ông A, bà Ph yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q, bà N, anh P phải thanh toán số tiền còn nợ lại là 280.000.000 đ và lãi suất 8,6%/năm từ ngày 12/10/2018 cho đến

khi trả xong toàn bộ số tiền còn nợ lại. Tuy nhiên tại phiên tòa sơ thẩm, ông A, bà Ph thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Q, bà N và anh P và chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 270.000.000 đ (gồm: số tiền gốc còn nợ lại là 250.000.000 đ và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 01/7/2019 là 20.000.000 đ).

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đối chất và tại phiên tòa, bị đơn ông Q trình bày: Ông Q hoàn toàn thống nhất với nội dung và số nợ mà nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên ông bà không có tiền để thanh toán ngay số tiền còn nợ lại cho nguyên đơn nên ông Q, bà N mong muốn ông A, bà Ph tạo điều kiện gia hạn cho ông bà trả dần. Trong giấy tờ vay mượn anh P (con trai của ông Q, bà N) cũng là người vay tiền và ký vào giấy vay tiền, việc vay số tiền của ông A, bà Ph được sử dụng mục đích buôn bán và tiêu dùng chung trong gia đình, nhưng ông Q là chủ hộ gia đình nên ông Q, bà N sẽ có trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ số tiền còn nợ lại của ông A, bà Ph mà không cần anh P liên đới trả nợ.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đối chất tại Tòa án, bị đơn bà N trình bày: Bà N hoàn toàn thống nhất với nội dung và số nợ mà nguyên đơn đã trình bày. Tuy nhiên hiện nay do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà N, ông Q không có tiền để thanh toán ngay số tiền còn nợ lại cho nguyên đơn nên ông Q, bà N mong muốn ông A, bà Ph tạo điều kiện gia hạn cho ông bà trả dần số tiền còn nợ lại và không đồng ý để anh P phải liên đới trả nợ cùng với vợ chồng bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn là ông Q đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định; bị đơn là bà N và anh P mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Về hình thức tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về hợp đồng vay tài sản (vay tiền); bị đơn cư trú tại tổ dân phố 02, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đ. Do đó, đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là bà N và anh P: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên HĐXX vắng mặt bị đơn là có căn cứ quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét giấy vay nợ ngày 07/4/2018 và giấy vay tiền ngày 11/10/2018 là chứng cứ nguyên đơn sử dụng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 280.000.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 12/10/2018 đến nay. Ông A, bà Ph, ông Q, bà N đều thừa nhận giấy vay nợ ngày 07/4/2018 do nguyên đơn viết và bị đơn và nguyên đơn ký tên. Nội dung thể hiện bị đơn vay của nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền gốc 250.000.000 đồng và hạn 06 tháng sau trả. Sau 06 tháng bị đơn không trả được nên ngày 11/10/2018 ông Quý viết giấy vay tiền với số tiền 280.000.000 đồng và hạn 20 ngày sau trả (tức ngày 01/11/2018 trả nợ). Số tiền 280.000.000 đồng ông Quý viết giấy vay tiền thực tế là 250.000.000 đồng nợ gốc và 30.000.000 đồng nợ lãi (lãi 2%/tháng x 6 tháng là 30.000.000 đồng). Như vậy số tiền nợ gốc bị đơn vay của nguyên đơn là 250.000.000 đồng và hiện tại chưa trả, được các bên thừa nhận nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc 250.000.000 đồng của nguyên đơn theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 30.000.000 đ trong số tiền 280.000.000 đ như nội dung khởi kiện ban đầu và chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn nợ lại là 270.000.000 đ (gồm: số tiền gốc còn nợ lại là 250.000.000 đ và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 01/7/2019 là 20.000.000 đ); xét việc rút yêu cầu trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Dân sự.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả: Tiền lãi tính đến ngày 30/10/2018 đã thanh toán, các đương sự không yêu cầu tính lại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; tiền lãi tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 01/7/2019 (tính tròn 08 tháng): Xét hợp đồng vay tiền có thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, đến hạn ông Q, bà N và anh P không trả nợ nên vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ông A, bà Ph yêu cầu mức lãi 01%/tháng là phù hợp quy định của Bộ luật Dân sự nên HĐXX chấp nhận: Từ ngày 01/11/2018 đến 01/7/2019 là 08 tháng; vậy số tiền lãi là: 250.000.000 đồng x 1%/tháng x 08 tháng = 20.000.000 đồng. Do đó yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi 20.000.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 468, Điều 670 của Bộ luật dân sự.

Ông Q, bà N cho rằng mặc dù anh P có tham gia vay tiền nhưng không sử dụng tiền vay nên không đồng ý để anh P liên đới trả nợ cùng. HĐXX xét thấy, anh P tham gia vay tiền, ký giấy nhận nợ, ông Q, bà N sử dụng tiền cho mục đích chung của gia đình nên anh P phải liên đới cùng ông Q, bà N trả nợ cho ông A, bà Ph là phù hợp theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định trên, xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 270.000.000 đồng (nợ gốc 250.000.000 đồng; nợ lãi 20.000.000 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông A, bà Ph số tiền 7.240.000

đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000474 ngày 18/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm $270.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 13.500.000$ đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 670 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 30.000.000 đ của số tiền gốc 280.000.000 đ trong nội dung yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn.

Buộc ông Q, bà N và anh P phải liên đới thanh toán cho ông A và bà P số tiền 270.000.000 đồng (trong đó: nợ gốc là 250.000.000 đồng; nợ lãi là 20.000.000 đồng).

Kể từ ngày ông A, bà Ph có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Q, bà N, anh P không thi hành thì ông, bà N, anh P còn phải chịu lãi suất đối với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: ông Q, bà N và anh P phải chịu 13.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông A và bà Ph số tiền 7.240.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000474 ngày 18/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Trúc Linh